

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH G**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 09/6/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH G

Thành phần Hội đồng sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Ngọc Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Thanh Hà** và ông **Ayun**.

Thư ký phiên toà: Ông **Phan Văn Thạch** – Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Đình Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh G xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim H** - sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số 279 Phan Đình Phùng, tổ 3, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T** – sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn Nhon Thọ, xã Đ, huyện M, tỉnh G. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T có làm ăn buôn bán với nhau. Từ năm 2018 đến ngày 30/12/2019 bà H có bán phân bón cho ông T nhiều lần và hiện ông T còn nợ tiền phân bón chưa thanh toán cho bà H theo giấy nhận hàng ngày 15/9/2018 là 52.000.000 đồng, số tiền nợ của những lần giao hàng khác ông T đã thanh toán đủ cho bà H. Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán khoản nợ trên nhưng ông T không thanh toán. Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà H toàn bộ số tiền nợ hàng phân bón

giao ngày 15/9/2018 là 52.000.000 đồng và tiền lãi tính kể từ ngày giao hàng (ngày 15/9/2018) cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/6/2021 là 10.000.000 đồng.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng bị đơn là ông T vắng mặt, do vậy không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng phân bón. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn Nhơn Tân, xã Đ, huyện M, tỉnh G. Do vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện M có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền còn nợ mua hàng phân bón, theo giấy giao hàng ngày 15/9/2018 là 52.000.000 đồng (*Năm mươi hai triệu đồng*) và số tiền lãi là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tính kể từ ngày 15/9/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/6/2021. Xét thấy cùng với đơn khởi kiện bà H đã cung cấp chứng cứ là “03 tờ giấy có nội dung ghi giao nhận và thanh toán tiền hàng phân bón” thể hiện từ năm 2018 đến đến ngày 30/12/2019 bà H có bán phân bón và nhận tiền thanh toán hàng phân bón từ ông T nhiều lần, trong đó có thể hiện ngày 15/9/2018 ông Nguyễn Văn T có nhận 160 bao phân bón 12-7-17, đơn giá 325.000 đồng/bao, thành tiền là 52.000.000 đồng, có chữ ký nhận của ông T. Sau khi nhận hàng ông T không thanh toán tiền hàng cho bà H như những lần giao hàng trước, bà H đã yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T vẫn không trả, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự.

Từ nhận định trên thấy rằng, bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả 52.000.000 đồng và lãi là có căn cứ theo quy định tại Điều 275, và Điều 280 của Bộ luật dân sự. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 10.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày giao hàng (ngày 15/9/2018) cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/6/2021 là phù hợp với quy định của pháp luật, Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 280 Điều 357 và Điều 440 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

Như vậy, ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim H tổng cộng số tiền 62.000.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu đồng*); trong đó, nợ gốc 52.000.000 đồng (*Năm mươi hai triệu đồng*) và tiền lãi 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là: 3.100.000 đồng (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*). (công thức tính là 62.000.000 đồng x 5%). Nguyên đơn được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 62.000.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 52.000.000 đồng (*Năm mươi hai triệu đồng*) và tiền lãi là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/6/2021) cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tại thời điểm thanh toán

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 3.100.000 đồng (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.419.000 đồng (*Một triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng*) theo biên lai số 0008483 ngày 27/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh G.

3. Về thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/6/2021), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Thanh